

All About Gaming

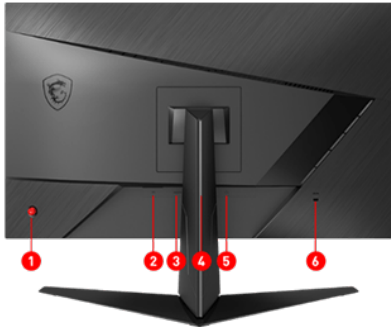
Inspired by the rigorous quality testing in the production of MSI Optix G series, MSI Optix G series' design is full of symbols of sturdiness and durability. Additionally, to provide quality user experience, Optix G series has really simple installation process and a friendly user interface, and will be the best choice for entry level gamers to step into the game world.



Picture and logos

SELLING POINTS

- Màn hình chơi game thể thao điện tử được đo ni đóng giày cho các giải đấu eSports.
- Tần số quét hình 165Hz - Đáp ứng nhanh hơn với khung hình mượt mà hơn.
- Thời gian đáp ứng 1ms - Xóa bỏ xé hình và giật hình.
- Night Vision - Tinh chỉnh màu đen thông minh để có thể nhìn thấy mọi chi tiết rõ ràng trong bóng tối.
- Dải màu rộng - Màu cho game và các chi tiết trở nên chân thực và sát sao hơn
- Thiết kế không viền - Đem đến trải nghiệm game đỉnh cấp với viền màn hình siêu hẹp.
- Chống chớp hình và giảm ánh sáng xanh - Chơi game thời gian dài cũng không bị mỏi mắt hay gặp các vấn đề về mắt khác.
- Góc nhìn rộng lên đến 178°; Màu sắc và chi tiết vẫn sắc nét ở góc nhìn lớn nhờ vào góc nhìn rộng đến 178°.



1. 5-way joystick navigator
2. DC Jack
3. 2x HDMI™ (1.4b)
4. 1x Display Port (1.2a)
5. Earphone out
6. Kensington lock

SPECIFICATION

Barcode Info	EAN	4719072869885
	UPC	824142265055
	UCC14	10824142265052
Model	Part No	9S6-3BA41T-058
	MKT Name	Optix G243
	MKT Spec	Optix G243
	Entity MKT Name	Optix G243
	Color	ID1/Black-Black
Display	Screen Size	23.8" (60cm)
	Active Display Area (mm)	525.89 (H) x 295.81 (V)
	Curvature	Flat
	Panel Type	VA
	Resolution	1920x1080 (FHD)
	Aspect Ratio	16:9
	Dynamic Refresh Rate technology	FreeSync Premium
	SDR Brightness (nits)	350
	Contrast Ratio	3000:1
	DCR (Dynamic Contrast Ratio)	100000000:1
	Signal Frequency	96.4~186.7 KHz(H) / 48~165 Hz(V)
	Refresh Rate	165HZ
	Response Time (MPRT)	1ms(MPRT)
	Response Time (GTG)	4ms
	View Angles	178°(H)/178°(V)
	Surface Treatment	Anti-glare
	NTSC (CIE1976 area percentage/overlap)	100.4% / 85.4%
	NTSC (CIE1931 area percentage/overlap)	85.54% / 79.7%
	sRGB (CIE1976 area percentage/overlap)	115.2% / 98.4%
	sRGB (CIE1931 area percentage/overlap)	120.77% / 99.6%
	Adobe RGB (CIE1976 area percentage/overlap)	98.7% / 88.8%
	Adobe RGB (CIE1931 area percentage/overlap)	89.51% 82.7%
	DCI-P3 (CIE1976 area percentage/overlap)	91.7% / 91.1%
	DCI-P3 (CIE1931 area percentage/overlap)	89.03% / 88.6%
	Rec.709 (CIE1976 area percentage/overlap)	115.2% / 98.4%
	Rec.709 (CIE1931 area percentage/overlap)	120.77% / 99.6%
	Rec.2020 (CIE1976 area percentage/overlap)	N/A
	Rec.2020 (CIE1931 area percentage/overlap)	N/A
	Display Colors	16.7M
	Color bit	8 bits (6 bits + FRC)
Note_DP	1920 x 1080 (Up to 165Hz)	
Note_HDMI™	1920 x 1080 (up to 144Hz)	
Note_DVI	N/A	
I/O Ports	HDMI™	2
	HDMI™ version	1.4b
	HDMI™ HDCP version	1.4
	DisplayPort	1
	DisplayPort version	1.2a
	DisplayPort HDCP version	1.3
	Mic-in upstream	N/A
	Headphone-out	1
	Lock type	Kensington Lock
	Speaker	N/A
Power	Power Supply Type	External Adaptor 20V 2.25A
	Power Input	100~240V, 50/60Hz
	Energy Efficiency Rating	F
	Adapter's KC safety Number	N/A
	Power Cord Type	C5

In The Box	DisplayPort Cable	1
	HDMI™ Cable	0
	DVI Cable	0
	USB Type A to Type B Cable	0
	USB Type C to Type A Cable	0
	USB Type C to Type C Cable	0
	Thunderbolt Cable	0
	VGA Cable	0
	3.5mm audio Cable	0
	3.5mm combo audio Cable	0
	Mouse Bungee Unit	N/A
	VESA Screw	N/A
	Power Cord	1
	AC Adaptor	1
	Warranty Card	1
	Quick Guide	1
Input Device	WebCam	N/A
Design	Adjustment (Tilt)	-5° ~ 20°
	VESA Mounting	100x100mm
	Frameless Design	Yes
Outer Carton Dimension (WxDxH)	Outer Carton Dimension (WxDxH) (mm)	615 x 179 x 434
	Outer Carton Dimension (WxDxH) (inch)	24.21 x 7.05 x 17.09
Product Dimension with Stand (WxDxH)	Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)	540.24 x 228.24 x 412.67
	Product Dimension with Stand (WxDxH) (inch)	21.27 x 8.99 x 16.25
Product Dimension without Stand (WxDxH)	Product Dimension without Stand (WxDxH) (mm)	540.24 x 57.1 x 328.16
	Product Dimension without Stand (WxDxH) (inch)	21.27 x 2.25 x 12.92
Stand Dimension (WxDxH)	Stand Dimension (WxDxH) (mm)	474.0 x 228.24 x 267.29
	Stand Dimension (WxDxH) (inch)	18.66 x 8.99 x 10.52
Dimension & Weight	Inside Carton Dimensions (WxDxH) (mm)	600 x 164 x 409
	Inside Carton Dimensions (WxDxH) (inch)	23.62 x 6.46 x 16.1
	Weight (Net kg)	3.5
	Weight (Gross kg)	5.1
Weight	Weight Without Stand (kg)	2.7
Warranty	Warranty	36M